TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ - PT
Ngày 29/11/2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Bà Hoàng Lan Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLPT-HNGĐ ngày 16/10/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/HNGĐ - ST ngày 08/9/2017 của Toà án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H1 - Sinh năm 1989

HKTT: thôn 3, xã B, huyện A, tỉnh Thanh Hoá.

Hiện trú tại: thôn H, xã G, huyện D, tỉnh C. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H2 - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện A, tỉnh Thanh Hoá. có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 28/7/2017, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Lê Thị H1 trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, không còn tôn trọng nhau, cuộc sống chung không được hạnh phúc, hai bên gia đình nội ngoại có dàn xếp nhưng không có kết quả. Đến tháng 9 năm 2015 chị và anh H2 sống ly thân nhau cho đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H2.

** Tại bản tự khai ngày 08/8/2017 và biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Văn H2 trình bày:*

Thống nhất với chị H1 về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị H1 yêu cầu ly hôn, anh đồng ý và cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết ly hôn cho anh và chị H1.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 thống nhất trình bày chị và anh có 01 con chung là Lê Văn H3 sinh ngày 12/10/2013.

Chị H1 có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huy và không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H2 cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huy, anh H2 cũng không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị H1, anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 19/2017/HNGĐ-ST ngày 05/9/2017 của Toà án nhân dân huyện A đã quyết định: Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phía lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn H2.

Về con chung: Giao cháu Lê Văn H3, sinh ngày 12/10/2013 cho chị Lê Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Ngày 13/9/2017, anh Lê Văn H2 kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giao cháu Lê Văn H3 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì chị H1 không đủ tư cách nuôi con.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H1 và anh H2 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H1, anh H2 thống nhất ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H1 và anh H2.

[1] Trong quá trình chung sống, chị H1 và anh H2 có một con chung, cháu Lê Văn H3, sinh ngày 12/10/2013. Chị H1 và anh H2 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nguyện vọng nuôi con của chị H1 và anh H2 là chính đáng. Toà án cấp sơ thẩm đã giao cháu Lê Văn H3 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H2 kháng cáo cho rằng tháng 7 năm 2015 chị H1 bỏ nhà ra đi, để lại con nhỏ cho anh và bố mẹ anh nuôi dưỡng, anh và gia đình không biết chị H1 đi đâu làm gì. Là người mẹ bỏ con đi từ khi cháu mới 02 tuổi. Vì vậy, chị H1 không đủ tư cách để nuôi con. Còn về thu nhập anh H2 cho rằng chị H1 không có bằng cấp nên không thể có thu nhập 10.000.000đ/tháng, và hơn nữa chị H1 không làm việc tại Công ty cổ phần Đại An (D, C) như chị H1 cung cấp, đơn xin xác nhận của anh do ông Dương Văn Trình là con đẻ của ông Dương Văn Phương ký xác nhận. Chị H1 cho rằng hiện nay chị vẫn đang làm công nhân tại nhà máy gạch tuynel ở xã E, D, C (thuộc Công ty cổ phần Đại An) thu nhập 10.000.000đ/tháng, đơn xin xác nhận của chị H1 có xác nhận của ông Dương Văn Phương là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc-Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đại An. Hiện nay chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn K, xã G, huyện D, tỉnh C. Về điều kiện vật chất thì cả chị H1 và anh H2 đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay cháu Lê Văn H3 đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ, và việc giao cháu Huy cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất cho cháu về thể chất cũng như về tinh thần, anh H2 cho rằng chị H1 không đủ tư cách để nuôi con, nhưng không có chứng cứ chứng minh, còn việc chị H1 đi khỏi nhà anh H2 năm 2015 là do mâu thuẫn vợ

chồng dẫn đến va chạm, và một thời gian chị đi lao động tại nước Nga. Toà án cấp sơ thẩm giao cháu Hiệp cho chị H1 nuôi dưỡng là có căn cứ, anh H2 kháng cáo không có căn cứ nên không được chấp nhận, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tại phiên toà là chính xác.

[2] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Lê Văn H2 không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm 2.1 Mục 2 Phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn H2.

- Giữ nguyên bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST ngày 05/9/2017 của Toà án nhân dân huyện A.

- Giao cháu Lê Văn H3, sinh ngày 12/10/2013 cho chị Lê Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn H2 phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2013/04976 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (anh H2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã B, A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hùng